TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2019
(V/v ly hôn giữa chị T và anh H)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Viên Thị Nguyên;**

2. Bà **Vũ Thị Quyên.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Hồng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà **Phạm Đài Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Thúy T**; Sinh năm: 1979; Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh; Địa chỉ: Số nhà 225, tổ 02, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trương Mạnh H**; Sinh năm: 1978; Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh; Địa chỉ: Xóm 04, phố L, thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt lần thứ hai, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2018 cùng các tài liệu kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Dương Thị Thúy T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Trương Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang vào ngày 20/4/2005. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cơm không lành, canh không ngọt. Trong suốt 14 năm qua, anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, không có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái, phó thác toàn bộ trách nhiệm nuôi con cho chị. Mặc dù chị và hai bên gia đình nội ngoại đã góp ý nhiều

nhưng anh H không sửa đổi. Năm này qua năm khác, anh H không biết quý trọng công sức của vợ, nay vay mai nợ, thậm chí để cho xã hội đen đến đòi nợ, ném mắm tôm vào nhà, dọa nạt mẹ con chị. Vợ chồng thường xuyên cãi vã làm ảnh hưởng tới con cái. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị mong muốn bản thân có một cuộc sống bình yên và đảm bảo cho các con có một tương lai tươi sáng nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Mạnh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung là cháu Trương Tiến M (sinh ngày 07/10/2005) và cháu Trương Nhật M1 (sinh ngày 19/6/2013). Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không tạo lập được khối tài sản chung nào, cũng không có công nợ chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản riêng: Vợ chồng chị không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/02/2019, biên bản hòa giải bị đơn là anh Trương Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Những khuyết điểm sai lầm của anh như chị T trình bày trong đơn khởi kiện là đúng. Bản thân anh đã ăn năn hối cải, tự nhận thấy những sai lầm của mình là sai trái và xin hứa sẽ sửa chữa những sai lầm mình mắc phải. Anh vẫn muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị T để vợ chồng quay về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái nên không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Nếu phải ly hôn anh cũng nhất trí việc giao hai con chung là cháu Trương Tiến M (sinh ngày 07/10/2005) và cháu Trương Nhật M1 (sinh ngày 19/6/2013) cho chị Dương Thị Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung*:* Quá trình chung sống vợ chồng anh không tạo lập được khối tài sản chung nào, không có công nợ chung với ai nên nếu phải ly hôn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng

quy định tại Điều 177, Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Dương Thị Thúy T ly hôn với anh Trương Mạnh H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Trương Tiến M (sinh ngày 07/10/2005) và cháu Trương Nhật M1 (sinh ngày 19/6/2013) cho chị Dương Thị Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị Dương Thị Thúy T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Dương Thị Thúy T về việc xin ly hôn với anh Trương Mạnh H được Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Quá trình giải quyết vụ án, anh H nhiều lần vắng mặt không có lý do khi Tòa án triệu tập là đã vi phạm các nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả hai phiên tòa, anh H đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thúy T và anh Trương Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện Q, tỉnh Hà Giang vào ngày 20/4/2005, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã không hạnh phúc. Trong suốt quá trình chung sống, anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, không có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái, phó thác toàn bộ trách nhiệm nuôi con cho vợ. Mặc dù chị T và hai bên gia đình nội ngoại đã góp ý nhiều; anh H nhận thức được những khuyết điểm, sai lầm của mình, hứa sẽ sửa chữa nhưng sau đó không thay đổi dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Không những thế, anh H còn đi vay nợ dẫn đến bị xã hội đen đòi nợ và có hành vi đe dọa sự bình an của vợ con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn*

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Tuy nhiên, anh H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng, không chia sẻ với vợ trong việc xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H tuy không nhất trí ly hôn nhưng không có sửa đổi để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T, anh H có hai con chung là cháu Trương Tiến M (sinh ngày 07/10/2005) và cháu Trương Nhật M1 (sinh ngày 19/6/2013). Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H nhất trí với ý kiến của chị T. Trên cơ sở nguyện vọng của hai bên đương sự, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu Trương Tiến M và Trương Nhật M1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩa vụ và quyền của anh H được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ và quyền của chị T được thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Vợ chồng chị T, anh H không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Thúy T và anh Trương Mạnh H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Trương Tiến M (sinh ngày 07/10/2005) và cháu Trương Nhật M1 (sinh ngày 19/6/2013) cho chị Dương Thị Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 25/4/2019 cho đến khi các đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Trương Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Dương Thị Thúy T có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Thúy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2013/05020 ngày 16 tháng 01 năm 2019. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Thúy T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trương Mạnh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Q;*
- *TAND tỉnh;*
- *THADS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Viên Thị Nguyên **Vũ Thị Quyên** **Bùi Văn Đàm**